

LỰA CHỌN MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011-2020

Nguyễn Công Mỹ*

Đặt vấn đề

Trong 25 năm đổi mới (1986-2011), nền kinh tế nước ta đã vượt qua nhiều khó khăn thách thức, song về cơ bản duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, tiềm lực và quy mô nền kinh tế tăng lên, nước ta đã ra khỏi tình trạng kém phát triển. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 10 năm 2001-2010 đạt 7,3%. Tỷ trọng phi nông nghiệp trong GDP tăng từ 75,5% năm 2000 lên 79,4% năm 2010. Tốc độ tăng xuất khẩu cao gấp 2,3-2,5 lần tốc độ tăng GDP, GDP năm 2011 theo giá thực tế tính bằng USD ước đạt 101,6 tỷ USD, gấp hơn 3,2 lần năm 2000, GDP theo giá thực tế tính theo đầu người quy ra USD năm 2010 đạt 1,168 USD. Nước ta đã ra khỏi nhóm nước kém phát triển có thu nhập thấp. Hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế đều có bước phát triển khá.

Đạt được những thành tựu nêu trên, có một phần đóng góp không nhỏ của mô hình tăng trưởng kinh tế đã được lựa chọn khá phù hợp với bối cảnh của Việt Nam. Mô hình tăng trưởng kinh tế giai đoạn 1990-2010, đã phát huy tác dụng tốt, song sang giai đoạn mới (2011-2020) có thể đã trở thành mô hình tăng trưởng trì trệ, lạc hậu. Đã tới lúc Việt Nam phải có sự điều chỉnh mô hình tăng trưởng cho phù hợp với điều kiện mới, Nghị quyết Đại hội đảng toàn quốc lần thứ XI cũng chỉ rõ, cần thay đổi mô hình tăng trưởng kinh tế. Năm 2010 và năm

2011, đã diễn ra nhiều cuộc hội thảo, trong đó bàn về đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế. Nhiều học giả cũng phân tích và đi đến nhận xét mô hình tăng trưởng kinh tế không còn phù hợp. Trên thực tế, thay đổi mô hình tăng trưởng kinh tế là một hiện tượng bình thường, diễn ra thường xuyên, không chỉ ở nước ta, mà còn ở nhiều nước trên thế giới, khi mô hình tăng trưởng kinh tế đã chọn không còn phù hợp với những quan điểm cơ bản về tăng trưởng kinh tế.

Cho đến năm 1980, tăng trưởng kinh tế vẫn được coi là mục tiêu hàng đầu của tất cả các quốc gia. Hầu hết các quốc gia trước đó đều tập trung mọi nguồn lực cho tăng trưởng thông qua tích lũy tài sản cố định, thu hút đầu tư nước ngoài, khai thác tài nguyên thiên nhiên... Tăng trưởng cao được coi là biểu hiện tích cực trong mục tiêu phát triển kinh tế. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là phải duy trì được tăng trưởng cao trong dài hạn, trong số các mô hình tăng trưởng kinh tế đã biết đến, mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững có nhiều ưu điểm, nên được lựa chọn làm mô hình tăng trưởng kinh tế chủ đạo cho thời kỳ 2011-2020. Vì thế, bài viết này sẽ làm rõ thêm nội dung của mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững, những kịch bản lựa chọn, và thực trạng bền vững kinh tế.

1. Khái quát về mô hình tăng trưởng kinh tế

Mô hình tăng trưởng kinh tế được hiểu là một cách diễn đạt quan điểm cơ bản nhất về tăng trưởng kinh tế thông qua các biến số kinh tế và mối liên hệ giữa chúng, và thể chế

*Nguyễn Công Mỹ, Tiến sĩ, Trưởng ban Thông tin và Hợp tác quốc tế, Viện Chiến lược phát triển - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

kinh tế đảm bảo cho quản lý và vận hành hệ thống kinh tế đó. Các biến số kinh tế cơ bản ở đây là các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất, hiệu quả quản lý nhà nước, phân phối thu nhập và phân phối cơ hội. Chất lượng tăng trưởng chỉ là thước đo hiệu quả của mô hình tăng trưởng kinh tế.

a) Đầu vào của mô hình tăng trưởng kinh tế: Các lý thuyết kinh tế học tân cổ điển và lý thuyết tăng trưởng mới đều khẳng định những yếu tố tham gia trực tiếp vào quá trình tăng trưởng là lao động, tài sản cố định, vốn con người, vốn tài nguyên và tiến bộ công nghệ. Trong đó, tiến bộ công nghệ một mặt ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng và năng suất của các yếu tố còn lại, mặt khác đóng góp vào tổng năng suất các yếu tố.

Nếu như tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa vào nguồn tài nguyên thiên nhiên hoặc tài sản cố định thì để duy trì được tốc độ tăng trưởng cao trong dài hạn là một thách thức rất lớn bởi vì nguồn tài nguyên thiên nhiên và nguồn tài sản cố định luôn luôn là hữu hạn. Mặt khác, khai thác quá mức nguồn tài nguyên và phát triển các ngành công nghiệp dựa vào tài nguyên sẽ dẫn đến giảm nguồn tài nguyên cả về số lượng và chất lượng.

Ngược lại với mô hình tăng trưởng dựa vào tài nguyên thiên nhiên và tài sản cố định, là mô hình tăng trưởng dựa vào công nghệ, thường ít bị hạn chế về qui mô cũng như về thời gian phát triển. Bởi vì, công nghệ có tính chất gần như một hàng hóa công cộng. Việc sử dụng một loại công nghệ cụ thể của một người này, công ty này hay quốc gia này không làm hạn chế cơ hội sử dụng công nghệ đó của người khác, công ty khác hay quốc gia khác.

b) Phân phối thu nhập và phân phối cơ hội. Nhà kinh tế học người Mỹ Simon Kuznets cho rằng quá trình phân phối thu nhập qua các thời kỳ phát triển kinh tế của các quốc gia có thể biểu diễn trên một đường cong hình chữ U ngược. Theo ông, trong giai

đoạn đầu tiên của quá trình phát triển, khi mà đầu tư vào tài sản cố định vẫn là động lực chính của quá trình tăng trưởng kinh tế thì bất bình đẳng có xu hướng tăng lên. Hơn nữa, bất bình đẳng có thể thúc đẩy tăng trưởng bởi khi đó kết quả tăng trưởng được phân phối cho những ai có tiết kiệm và đầu tư nhiều nhất. Một khi quá trình tăng trưởng đã đạt đến trình độ chín muồi, mức độ bất bình đẳng sẽ dần dần giảm đi. Lúc đó xã hội có điều kiện để thực hiện quá trình phân phối lại, do đó, thu nhập và phúc lợi xã hội có xu hướng được phân phối công bằng hơn. Như vậy, theo giả thuyết này, bất bình đẳng giảm đi có thể là một dấu hiệu cho thấy chất lượng tăng trưởng đã được nâng lên. Tuy vậy, trong rất nhiều nghiên cứu thực tế, kết quả lại không đồng nhất với giả thuyết này. Nhiều nước dù đã đạt được trình độ phát triển cao hoặc rất cao như Mỹ và Anh nhưng bất bình đẳng vẫn có xu hướng tăng lên chứ không giảm đi như giả thuyết của Kuznets.

Để giải quyết bất lợi này, các nước phát triển đã áp dụng nhiều biện pháp khác nhau, trực tiếp (qua chính sách tái phân phối) và gián tiếp (qua chính sách tài phân phối cơ hội). Các nước như Mỹ, Anh có phần thiên về áp dụng các biện pháp trực tiếp, trong khi các nước công nghiệp ở Châu Âu thực hiện cả 2 biện pháp: trực tiếp (thông qua thuế thu nhập cá nhân, trợ cấp) và gián tiếp (cung cấp các dịch vụ giáo dục, y tế nhằm tạo cơ hội cho người có thu nhập thấp tham gia vào quá trình tăng trưởng).

c) Hiệu quả quản lý của nhà nước: Một trong những yếu tố quan trọng có tầm ảnh hưởng mạnh mẽ đến tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia đó là năng lực của bộ máy nhà nước mà trước hết là năng lực xây dựng thể chế và thực hiện vai trò quản lý của mình. Hiệu quả của quản lý nhà nước được thể hiện thông qua mức độ đóng góp của nó vào quá trình tăng trưởng.

Các tiêu chí thường được sử dụng để đánh giá khả năng đóng góp của nhà nước vào quá trình tăng trưởng là sự ổn định kinh tế vĩ mô,

ổn định chính trị, xây dựng thể chế và hiệu lực của hệ thống pháp luật. Các nhà kinh tế học cổ điển và tân cổ điển thường đánh giá không cao vai trò của nhà nước đối với quá trình tăng trưởng. Họ đề cao vai trò tự điều tiết của thị trường và cho rằng sự thất bại của thị trường chỉ là ngoại lệ. Gần đây, vai trò của nhà nước trong điều tiết kinh tế và do đó là ảnh hưởng của nhà nước đối với quá trình tăng trưởng có xu hướng ngày càng được đánh giá cao. Quan điểm của nhà kinh tế học Stiglitz là một ví dụ. Ông cho rằng, sự điều tiết của thị trường chỉ thực sự đem lại hiệu quả trong những điều kiện nhất định (chẳng hạn trong điều kiện thị trường cạnh tranh hoàn hảo). Vì vậy, trong nhiều trường hợp sự phân bổ hiệu quả các nguồn lực sản xuất và các kết quả đầu ra chỉ có thể đạt được nhờ sự can thiệp của chính phủ. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra tác động tích cực của quản lý nhà nước tới chất lượng tăng trưởng. Theo họ, tăng trưởng được duy trì trong một thời gian tương đối dài ở một mức cao hợp lý có thể dễ đạt được hơn đối với một nước có thể chế và quy định minh bạch, rõ ràng, tính thực thi của hệ thống pháp luật cao, có bộ máy nhà nước ít quan liêu, tham nhũng, đồng thời tạo điều kiện cho người dân thực hiện tốt các quyền của họ.

d) *Chất lượng tăng trưởng* là thước đo tổng hợp của mô hình tăng trưởng kinh tế, được thể hiện ở hai khía cạnh: Tốc độ tăng trưởng cao duy trì trong dài hạn và tăng trưởng có đóng góp trực tiếp vào phát triển bền vững (tạo ra nhiều việc làm, góp phần xóa đói giảm nghèo, tăng năng suất lao động, hiện đại hóa nền kinh tế...).

Phân loại mô hình tăng trưởng kinh tế: Thomas và các cộng sự (2000) đã chia các mô hình tăng trưởng kinh tế thành ba loại: mô hình tăng trưởng trì trệ, mô hình tăng trưởng nóng¹ và mô hình tăng trưởng bền vững.

(1) *Mô hình tăng trưởng trì trệ:* Mô hình này thường thấy ở các nước đang phát triển, Đặc điểm của mô hình là có những giai đoạn quy mô kinh tế được mở rộng với tốc độ tăng

trường nhanh, nhưng tại nhiều thời kỳ khác, tăng trưởng kinh tế thấp. Trong dài hạn, nền kinh tế suy giảm, trì trệ. Nguyên nhân là do đầu tư thấp, dân trại và đầu tư công vào các loại hình tài sản có hiệu quả đầu tư thấp, không có sức lan tỏa.

(2) *Mô hình tăng trưởng nóng.* Mô hình loại này có 3 dấu hiệu là: tăng trưởng dựa quá nhiều vào nguồn tài sản cố định, lợi nhuận thu được từ khai thác và bán tài nguyên khoáng sản sử dụng lãng phí; Tăng trưởng nhưng phải trả giá đắt cho việc hủy hoại tài nguyên thiên nhiên và môi trường sinh thái; Tăng trưởng dựa vào nguồn lao động rẻ, chất lượng thấp và không có sự đầu tư thỏa đáng vào phát triển nhân lực. Hệ quả là tăng trưởng không bền vững, đặc biệt là đối với các nước nghèo, có quy mô ngân sách nhỏ và quản lý đầu tư kém hiệu quả.

(3) *Mô hình tăng trưởng bền vững.* Các quốc gia thuộc mô hình này thường duy trì được tốc độ tăng trưởng hợp lý trong một thời gian tương đối dài. Nhà nước thường chủ trọng đầu tư cho các ngành, lĩnh vực có tác động lan tỏa tích cực tới các ngành khác và do đó tới toàn bộ nền kinh tế như đầu tư cho giáo dục, y tế và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên. Ở mô hình này, đầu tư công tập trung cho phát triển khoa học công nghệ và vốn con người, các nguồn lực cơ bản (tài sản cố định và tài chính, vốn nhân lực, tài nguyên thiên nhiên) được tích lũy cân đối và duy trì được tốc độ tăng trưởng ổn định. Tăng trưởng ổn định, bền vững thường mang lại lợi ích cho người nghèo, bởi vì khi kinh tế suy thoái, người bị thiệt hại nhiều nhất, chính là người nghèo.

2. Kinh nghiệm chuyển đổi mô hình tăng trưởng ở Trung Quốc và bài học đối với Việt Nam

Theo đánh giá của tác giả Trần Hải Hạc (2011), Trung Quốc đã sử dụng hai mô hình tăng trưởng kinh tế. Mô hình thứ nhất “cải cách mở cửa kinh tế” bắt đầu từ năm 1978 và kết thúc vào năm 1992, chứng kiến sản xuất

¹ Nói một cách dễ hiểu là mô hình tăng trưởng nhiệm kỳ vì lợi ích nhóm

bung ra và tăng nhanh trong gần một thập niên, trước khi vấp phải khủng hoảng về đầu cơ và lạm phát, dẫn đến phong trào phản kháng tham nhũng và đòi dân chủ, bị chính quyền đàn áp tại Thiên An Môn.

Mô hình tăng trưởng thứ hai bắt đầu từ năm 1993 và phát huy tác dụng tốt cho đến 2005. Từ năm 2005 đến nay mô hình tăng trưởng này có nhiều hạn chế, và đang trong thời kỳ chuyển đổi. Bắt đầu của mô hình tăng trưởng này được đánh dấu bằng chuyển thị sát miền Nam của Đặng Tiểu Bình và kéo dài cho đến ngày nay, là những thập niên trong đó GDP của Trung Quốc tăng nhanh nhất.

(1) Cấu trúc của mô hình tăng trưởng Trung Quốc: Từ đầu thập niên 1990, mô hình tăng trưởng của nền kinh tế Trung Quốc gồm ba mặt gắn chặt với nhau thành hệ thống: Tăng nhanh đầu tư, kìm hãm tiêu dùng nội địa và đẩy mạnh xuất khẩu.

Tăng nhanh đầu tư: Đặc điểm của mô hình tăng trưởng thời kỳ 1993-2005 (phương thức tăng trưởng) là sử dụng nhiều vốn và tạo ra ít công ăn việc làm. Tỷ lệ đầu tư trong GDP đã tăng không ngừng, từ 25% năm 1990 lên đến 42% năm 2008. Trong khi GDP các năm 1992-2006 tăng bình quân 10%, việc làm chỉ tăng 1%. Hệ quả là, tỷ lệ thất nghiệp lên tới 9,4%, theo ước tính năm 2008 của Viện hàn lâm khoa học xã hội Trung Quốc. Sự tồn tại của đạo quân thất nghiệp này gây sức ép lên mức lương, vì thế tăng lương không còn tỷ lệ với tăng năng suất lao động.

Kìm hãm tiêu dùng nội địa được đo bằng tỷ lệ tiêu dùng của các hộ gia đình trong GDP không ngừng giảm, từ xấp xỉ 50% năm 1990 xuống còn 35% năm 2008. Do nhiều nguyên nhân, song nguyên nhân chủ yếu là do, một mặt, lợi nhuận của các doanh nghiệp tăng nhưng không được phân chia cho các hộ gia đình cổ đông. Mặt khác, ngân sách nhà nước tăng thu mà không phân phối lại cho các hộ gia đình thu nhập thấp. Nói cách khác, chính sách tài khóa của nhà nước Trung Quốc là

chọn tăng đầu tư công, chủ yếu là xây cơ sở hạ tầng, thay vì phát triển tiêu dùng tập thể, như là các dịch vụ giáo dục, y tế hay xã hội.

Đẩy mạnh xuất khẩu: Kìm hãm tiêu dùng nội địa để tích lũy nhanh tư bản còn có nghĩa là Trung Quốc chọn phương thức tăng trưởng hướng ngoại, đi tìm người tiêu dùng ở nước ngoài và phát triển một nền kinh tế tùy thuộc vào xuất khẩu và khả năng xuất siêu. Phần xuất khẩu trong GDP của Trung Quốc đã không ngừng tăng cho đến cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008. Từ năm 1997 đến năm 2007, tỷ lệ xuất khẩu tăng so với GDP tăng từ 19% lên mức kỷ lục 37%, tỷ lệ nhập khẩu tăng từ 15% lên 29% GDP, trong đó riêng vật liệu và linh kiện nhập khẩu cho công nghiệp gia công và lắp ráp hàng xuất khẩu là 12%, phần xuất siêu, đã tăng lên gấp đôi, từ 4% lên 8% GDP.

Chiến lược chiếm thị trường trên thế giới, Các doanh nghiệp dùng chiến lược cạnh tranh giá cả và được nhà nước hỗ trợ bằng hàng loạt chính sách có tính trọng thương: Chính sách nhân công rẻ, kìm hãm tiền lương để nó tăng chậm hơn năng suất lao động; Chính sách năng lượng rẻ, kìm giá của xăng dầu, than và điện ở mức thấp giá tạo; Chính sách tín dụng rẻ, kìm giữ lãi suất thực ở mức âm; Chính sách hối đoái định giá thấp đồng Nhân dân tệ (NDT) nhằm hạ giá hàng của Trung Quốc trên các thị trường nước ngoài; Chính sách ưu đãi thuế đối với các hoạt động sản xuất cho xuất khẩu; Chính sách nhập công nghệ để sản xuất trong nội địa thay cho nhập hàng...

(2) Điều kiện để chuyển hóa mô hình tăng trưởng kinh tế ở Trung Quốc

Một trong những điều kiện là có sự thừa nhận của những người đứng đầu nhà nước. Thực vậy, năm 2007, thủ tướng Ôn Gia Bảo công nhận rằng "vấn đề lớn nhất của nền kinh tế Trung Quốc là tăng trưởng mất ổn định, mất cân đối, thiếu điều phối và không bền vững". Trung Quốc không thể duy trì mô

hình kinh tế đã làm nên thành tích tăng trưởng của hai mươi năm qua do một loạt nguyên nhân: Bất bình đẳng và bất công ngày càng tăng làm cho xã hội trở nên bất ổn; Cầu nước ngoài có xu hướng khựng lại, khiến tương quan giữa đầu tư và tiêu dùng nội địa càng mất cân đối; Các chính sách hiện hành về tiền lương và phúc lợi, về tiền tệ và hối đoái không còn đủ sức điều phối nền kinh tế đang dư thừa công suất sản xuất; Nguồn nước và tài nguyên thiên nhiên đang bị khai thác quá độ, khiến phương thức tăng trưởng không thể bền vững; Trong dài hạn, dân số Trung Quốc trở lên già, và không còn lợi thế về giá nhân công rẻ.

Với những nguyên nhân nêu trên, muốn cho nền kinh tế giữ đà tăng trưởng, nhất là sau khi cuộc khủng hoảng tài chính thế giới bùng nổ, Trung Quốc không có giải pháp nào khác là thay đổi phương thức tăng trưởng.

(3) Bài học

Từ những phân tích nêu trên có thể rút ra bài học kinh nghiệm đối với chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam, đó là:

Thứ nhất, phải có sự thừa nhận của lãnh đạo cấp cao trong bộ máy quản lý nhà nước về những hạn chế của mô hình kinh tế hiện tại. Kinh tế là thước đo của chính trị, thừa nhận sự bất ổn về kinh tế, về thực chất là thừa nhận tương quan lực lượng xã hội và những lực cản trở từ trong hệ thống chính trị. Vì thế sự thừa nhận của lãnh đạo cấp cao là khởi đầu cho đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế.

Thứ hai, có áp lực lớn đến nền kinh tế, có nguy cơ không duy trì được ổn định kinh tế trong dài hạn và có nhiều dấu hiệu nền kinh tế rơi vào trạng thái tụt tụt, giống như Hy Lạp, Tây Ban Nha, Italia chẳng hạn.

Thứ ba, thay đổi tư duy, dung hòa được những lợi ích trước mắt với lợi ích lâu dài mang tính toàn cục.

3. Các nguyên tắc lựa chọn mô hình tăng trưởng trong giai đoạn 2011-2020

Trong các buổi hội thảo bàn về chiến lược phát triển kinh tế trong giai đoạn 2011-2020, các diễn giả không đưa ra nguyên tắc lựa chọn mô hình tăng trưởng kinh tế, song tổng hợp những ý kiến trong nước và ngoài nước có thể khái quát lại thành ba nguyên tắc sau đây:

- Chuyển hóa toàn bộ mô hình kinh tế, từ phương thức tăng trưởng lệ thuộc vào đầu tư sang phương thức tăng trưởng mới, mà động lực chính là tăng hiệu quả đầu tư;

- Chuyển dịch cơ cấu sản xuất từ những ngành công nghiệp sử dụng nhiều vốn và không tận dụng lao động dư thừa sang những ngành công nghiệp gắn với phát triển dịch vụ và sử dụng nhiều lao động hơn;

- Tạo ra nhiều cơ hội và phân phối cơ hội trên cơ sở đầy mạnh phát triển nhân lực, tăng đầu tư công cho giáo dục và y tế.

4. Các kịch bản lựa chọn mô hình tăng trưởng kinh tế và yêu cầu đối với mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững

Với những nguyên tắc lựa chọn nêu trên, trong số các mô hình tăng trưởng kinh tế hiện có trên quy mô toàn thế giới, thì mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững là phù hợp nhất, vì thể tự tương phát triển bền vững đã trở thành ý tưởng xuyên suốt trong các kịch bản phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ đến năm 2020 và xa hơn, Có thể đưa ra các kịch bản lựa chọn mô hình tăng trưởng kinh tế như sau:

- Nếu chọn mô hình (1) tăng trưởng kinh tế tri thức, thường có tốc độ tăng trưởng thấp và không ổn định. Điều này sẽ ngăn cản nỗ lực giảm đói nghèo của cả nước, đầu tư vào nguồn lực con người thấp, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên không hiệu quả. Mô hình (1) thường xảy ra khi chính phủ yếu kém và tham nhũng. Điều này khiến tỷ lệ đầu

tư thấp và chỉ tiêu công không được sử dụng vào các dự án mang lại hiệu quả cao nhất. Về cơ bản, kịch bản này vẫn có thể xảy ra, song với xác suất thấp;

- Nếu chọn mô hình tăng trưởng nóng (2) có khả năng hơn so với mô hình (1) nêu trên, song, hậu quả tăng trưởng nặng nề, tăng trưởng có thể đi kèm với cải thiện phúc lợi xã hội và giảm đói nghèo. Nhưng mô hình tăng trưởng (2) phụ thuộc vào sự ủng hộ hay đầu tư của công chúng, mà điều này thường là khó duy trì ổn định trong dài hạn. Thực ra, mô hình tăng trưởng kinh tế hiện nay, đang rất giống mô hình (2), vì thế không thể lựa chọn kịch bản này;

- Nếu lựa chọn mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững, thì khác với các mô hình tăng trưởng trên, mô hình tăng trưởng (3) là tốt hơn cả cho việc cải thiện phúc lợi xã hội và giảm đói nghèo. Xét về khía cạnh chất lượng tăng trưởng, rõ ràng là trong ba mô hình trình bày ở trên, mô hình thứ ba có chất lượng cao hơn cả, và đó cũng là mô hình nhân loại đang hướng tới. Vì thế, lựa chọn mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững là hợp lý nhất.

Trên thực tế, một mô hình tăng trưởng kinh tế được gọi là bền vững, nếu chỉ số kinh tế bền vững dương và lớn hơn 0,2. Chỉ số kinh tế bền vững được xây dựng từ sáu chỉ tiêu kinh tế quan trọng sau đây:

Một là, tốc độ tăng trưởng kinh tế, được đo bằng tổng sản phẩm quốc nội (GDP), đánh giá sự thay đổi hàng năm của GDP. Đây là chỉ tiêu kinh tế ngắn hạn phản ánh tổng hợp nhất các hoạt động kinh tế, khả năng tạo ra việc làm và khả năng tạo ra nguồn tài chính để trả nợ;

Hai là, tỷ lệ nợ, được đo bằng tổng số nợ của chính phủ so với GDP, đây là tiêu chuẩn tài vụ của Liên minh Kinh tế và Tiền tệ Maastricht, chỉ tiêu trung hạn và dài hạn phản ánh tổng hợp các hoạt động tài chính công;

Ba là, thâm hụt hoặc bội thu ngân sách nhà nước được đo bằng nhu cầu vay ròng của

chính phủ, bằng tổng thu ngân sách trừ đi tổng chi ngân sách và trừ đi tổng số nợ của chính phủ phải trả đến hạn và trả lãi suất, đây cũng là một trong những tiêu chuẩn hội tụ của Liên minh Kinh tế và Tiền tệ Maastricht. Nó là chỉ tiêu ngắn hạn của hoạt động tài chính công;

Bốn là, chỉ số cạnh tranh toàn cầu (GCI) do Hội nghị kinh tế thế giới công bố. Đây là chỉ tiêu tổng hợp, phản ánh nền tảng kinh tế vi mô và vĩ mô của cạnh tranh, được xác định từ tập hợp các thể chế, chính sách và các yếu tố xác định mức năng suất của một nước, mà năng suất xác định chất lượng tăng trưởng và bền vững phát triển kinh tế trong dài hạn. Vì thế, cần đưa chỉ tiêu này vào chỉ số bền vững kinh tế, do nó là chỉ tiêu dài hạn của sự cạnh tranh và tiềm năng tăng trưởng trong tương lai của một nền kinh tế;

Năm là, chỉ số nhận thức tham nhũng (Corruption perceptions index - CPI) hay minh bạch quốc tế, được đo bằng mức độ nhận thức về tham nhũng trong lĩnh vực công. Nó được xây dựng dựa trên việc xử lý các phiếu khảo sát lấy ý kiến của 13 loại chuyên gia lập chính sách phát triển và khảo sát kinh doanh. Đây là chỉ số cơ bản của quản trị quốc gia hoặc đánh giá mức độ tuân thủ các quy phạm pháp luật, nội quy chung để tăng hiệu quả các lĩnh vực công;

Sáu là, chi phí sắp tới do lão hóa dân số, là dự tính chỉ tiêu dài hạn, bao gồm lương hưu, chăm sóc sức khỏe, chăm sóc dài hạn, giáo dục và phụ cấp thất nghiệp. Đưa dự tính này vào tính chỉ số bền vững kinh tế bởi vì đây là chỉ số rất dài hạn cho thấy áp lực lên hoạt động tài chính công.

5. Bộ chỉ tiêu đánh giá chất lượng mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững

Trên thực tế, một số nhà kinh tế nổi tiếng như Lucas, Sen và Stiglitz và một số trung tâm phân tích chính sách kinh tế đã đưa ra một số chỉ tiêu cụ thể để đánh giá chất lượng của mô hình tăng trưởng kinh tế, gọi tắt là chất lượng tăng trưởng.

Chỉ số kinh tế bền vững: Chỉ số kinh tế bền vững do Trung tâm chính sách kinh tế Châu Âu đưa ra có ưu điểm là nó cho phép đánh giá đồng thời bền vững về kinh tế trong ngắn hạn, trung hạn và cả trong dài hạn. Chỉ số này được xây dựng dựa trên 6 chỉ số thành phần: thâm hụt ngân sách, nợ quốc gia, tăng trưởng kinh tế, năng lực cạnh tranh, quản trị quốc gia (hoặc chỉ số tham nhũng) và chi phí cho sự lão hóa dân số. Nhìn chung, những chỉ số nêu trên được chọn để phản ánh sự cân bằng giữa áp lực ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với sự bền vững kinh tế;

Chỉ số cạnh tranh kinh tế: Tăng trưởng phải đảm bảo năng cao hiệu quả kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế;

Bộ chỉ tiêu đánh giá chất lượng mô hình tăng trưởng kinh tế gồm các chỉ tiêu có thể lượng hóa: (1) Tăng trưởng kinh tế trong dài hạn; (2) Năng suất lao động xã hội; (3) Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR); (4) Năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP); (5) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng thu nhập và đầu tư ít;

Một số chỉ tiêu định tính: (6) Tăng trưởng phải đi kèm với phát triển, giữ môi trường bền vững; (7) Tăng trưởng phải đạt được mục tiêu cải thiện phúc lợi xã hội và giảm đói nghèo; (8) Tăng trưởng phải đi kèm với việc hỗ trợ cho thể chế dân chủ luân đổi mới, đến lượt nó thúc đẩy tăng trưởng với tỷ lệ cao hơn; (9) Đảm bảo tránh được những cú sốc bất lợi từ bên ngoài.

6. Những giả thiết cho thời kỳ 2011-2020 và kết quả lựa chọn

Một trong những giả thiết quan trọng bao trùm cho cả thời kỳ tăng trưởng kinh tế là chọn mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững. Nếu giả thiết nêu trên được chấp nhận, thì những tỉnh nào được lựa chọn làm mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững cho các tỉnh khác học tập là một lựa chọn cần bàn đến. Để giải quyết vấn đề nêu trên, nhóm nghiên cứu đã lập chỉ số bền vững kinh tế cấp tỉnh và xếp

hạng các tỉnh theo chỉ số bền vững kinh tế. Chỉ số bền vững kinh tế cấp tỉnh được xây dựng bằng cách cộng (không có trọng số) điểm của tất cả các chỉ số thành phần;

Từ thực tế số liệu và ý nghĩa kinh tế của các chỉ tiêu kinh tế và chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh, nhóm nghiên cứu chọn 3 chỉ tiêu để tính chỉ số bền vững kinh tế cấp tỉnh là: tốc độ tăng GDP các tỉnh (chính xác hơn là tăng giá trị gia tăng), tỷ lệ thâm hụt ngân sách (bảng tổng chi trừ đi tổng thu không tính phần hỗ trợ từ trung ương), và chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh;

Số liệu để tính chỉ số bền vững kinh tế cấp tỉnh: tốc độ tăng GDP và tỷ lệ thâm hụt ngân sách được thu thập và tính toán từ số liệu trong niên giám thống kê các tỉnh năm 2010, chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh được thu thập từ trang web <http://www.pcivietnam.org>. Theo kinh nghiệm phân nhóm bền vững kinh tế của Trung tâm chính sách Châu Âu, các tỉnh được chia thành 5 nhóm, nếu chỉ số bền vững kinh tế (ESI) thỏa mãn: (1) Bền vững cao nhất, nếu $0,4 < ESI \leq 1$; (2) Bền vững cao, nếu $0,19 < ESI \leq 0,4$; (3) Bền vững trung bình, nếu $0,0 < ESI \leq 0,19$; (4) Nguy cơ mất bền vững, nếu $-0,3 < ESI \leq 0,0$; (5) Mất bền vững, nếu $-1,0 \leq ESI \leq -0,3$;

Kết quả tính toán cho thấy, kinh tế cả nước đang nằm trên ranh giới giữa nền kinh tế có nguy cơ mất bền vững và bền vững trung bình ở mức thấp, đồng thời mức độ bền vững có xu hướng giảm, năm 2009 chỉ số bền vững kinh tế cả nước thấp hơn so với năm 2006 (Kinh tế và Dự báo, số 510/2011).

Với cách phân nhóm nêu trên, trong tổng số 63 tỉnh có 1 tỉnh thuộc nhóm bền vững cao nhất là tỉnh Bình Dương, và không bị tụt hạng. Kết quả phân tích định lượng phù hợp với phân tích định tính. Trên thực tế, Bình Dương thu hút được đầu tư, phát triển kinh tế. Một phần là do ý trí chính trị, mà đúng đầu là bí thư tỉnh ủy. Vì vậy, có thể chọn

Bình Dương làm mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững cho các tỉnh có điều kiện phát triển kinh tế tương đồng như Hải Dương, Hà Nam, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, bởi vì các tỉnh này cũng gần thành phố lớn là thủ đô Hà Nội, đều là các tỉnh không có biển;

Thành phố Đà Nẵng và Quảng Ninh có thể lựa chọn làm mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững cho các tỉnh ven biển;

Kết quả tính toán cho thấy, phân tích định lượng có sự biến động lớn, vì thế, những kết quả định lượng chỉ đóng vai trò hỗ trợ cho phân tích định tính.

7. Kết luận và kiến nghị

Từ những phân tích nêu trên, cho thấy chất lượng tăng trưởng thể hiện chất lượng của các mô hình tăng trưởng kinh tế. Nói chất lượng tăng trưởng là một mô hình tăng trưởng kinh tế thì chưa đủ căn cứ, cần phải nghiên cứu thêm.

Trong số các mô hình tăng trưởng kinh tế, mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững có nhiều ưu điểm vượt trội, lựa chọn làm mô hình tăng trưởng cho thời kỳ 2011-2020 là phù hợp với quan điểm tăng trưởng nhanh, bền vững đã được Đại hội đảng toàn quốc thông qua.

Kết quả tính toán bước đầu cho thấy, mô hình tăng trưởng đã chọn cho thời kỳ từ khi đổi mới đến nay không còn phù hợp, nền kinh tế đang nằm trên ranh giới của bền vững kinh tế trung bình thấp với nguy cơ đe dọa

mất bền vững, và có xu hướng mức độ bền vững giảm. Nhiều tỉnh trong cả nước có nguy cơ tăng trưởng kinh tế không bền vững. Yếu tố cơ bản dẫn đến tăng trưởng kinh tế không bền vững là do thâm hụt ngân sách lớn trong khi đó tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp và chi số minh bạch thấp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Trần Hải Hạc (2011), "Bàn về sự chuyển hóa mô hình tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc", Tạp chí *Thời đại mới*, số 23 tháng 11, 2011.

Hội thảo khoa học mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt nam: Thực trạng và lựa chọn cho giai đoạn 2011- 2020, Ngày 23/6, tại Hà Nội.

Nguyễn Công Mỹ (2011), "Chỉ số bền vững kinh tế cấp tỉnh: Phương pháp và thử nghiệm", *Tạp chí Kinh tế và Dự Báo*, Số 510, 11/2011.

Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ XI (2010), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội,

Stiglitz Joseph (2002), *Những thách thức đối với việc thực hiện chiến lược của Việt Nam*, Viện Chiến lược phát triển.

Thomas Vinod et. All (2000), *The quality of growth*, Published for the World Bank, Oxford University Press.